

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TOÀN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TOÀN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WHOLE VIET NAM COMMERCE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM COMMERCE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107599964

3. Ngày thành lập: 14/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 76, phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: - Sản xuất video camera kiểu hộ gia đình	2640
5.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
7.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
8.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
9.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
10.	Sản xuất máy luyện kim	2823
11.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
12.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
13.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
14.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
15.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chất giống nhựa - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
17.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
18.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
19.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
20.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
21.	Đúc sắt, thép	2431
22.	Đúc kim loại màu	2432
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Trồng lúa	0111
28.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
29.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
30.	Trồng cây mía	0114
31.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
32.	Trồng cây lấy sợi	0116
33.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
34.	Trồng cây hàng năm khác	0119
35.	Trồng cây ăn quả	0121
36.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
37.	Trồng cây điều	0123
38.	Trồng cây hồ tiêu	0124
39.	Trồng cây cao su	0125
40.	Trồng cây cà phê	0126
41.	Trồng cây chè	0127
42.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
43.	Trồng cây lâu năm khác	0129
44.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
45.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
46.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
47.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
48.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
49.	Khai thác gỗ	0221
50.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222

51.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Khai thác dầu thô	0610
54.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
55.	Khai thác quặng sắt	0710
56.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
57.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
58.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
59.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
60.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
61.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
62.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
63.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
64.	Sản xuất rượu vang	1102
65.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
67.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết + Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ, + Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ,	1629
70.	In ấn	1811
71.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
72.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
74.	Bốc xếp hàng hóa	5224
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:	4669
78.	Bán buôn tổng hợp	4690
79.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
80.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

81.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
85.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
87.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
89.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
90.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
91.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
92.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
93.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
94.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
95.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
97.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Chuyển nhượng kinh doanh ăn uống	5629
98.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
99.	Xuất bản phần mềm	5820
100.	Lập trình máy vi tính	6201
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
102.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
103.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

104.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
105.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
106.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
107.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
108.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
109.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
110.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
111.	Tái chế phế liệu	3830
112.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
113.	Phá dỡ	4311
114.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
115.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
116.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh	4329
117.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác, - Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được,	4330
118.	Bán mô tô, xe máy	4541
119.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
121.	Bán buôn gạo	4631
122.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - bán buôn thực phẩm chức năng	4632(Chính)
123.	Bán buôn đồ uống	4633
124.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
125.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

126.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh	4649
127.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
128.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
130.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
131.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
132.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
133.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
134.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
135.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
136.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
137.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
138.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
139.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
140.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
141.	Dịch vụ đóng gói	8292
142.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm) - Nhượng quyền thương mại	8299
143.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
144.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

145.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; - Dạy hội hoạ; - Dạy nhảy; - Dạy nghệ thuật biểu diễn;	8552
146.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
147.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,	8560
148.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
149.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
150.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
151.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
152.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;	6820
153.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
154.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan	7110
155.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ	7210
156.	Quảng cáo	7310
157.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế website - Dịch vụ thiết kế đồ thị	7410
158.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
159.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
160.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
161.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
162.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
163.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

164.	(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
------	--	--

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM TOÀN CẦU	Số 76, phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.000.000.000	80,000	0107572497	
2	HOÀNG ĐÌNH QUÂN	Thôn Đa Hội, Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.000.000.000	20,000	121917934	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG ĐÌNH QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121917934

Ngày cấp: 28/04/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đa Hội, Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đa Hội, Xã Hợp Thịnh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội